

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 1016/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2020
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 681/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: 386/102 tổ A, ấp B, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Dương Văn M, sinh năm 1974; địa chỉ: 386/102 tổ A, ấp B, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Dương Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2004 ngày 01/6/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2018 do không có tiếng nói chung, bỏ mặc nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo, không còn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, bà xin ly hôn với ông M. Bà và ông M có 02 con chung là Dương Gia B, sinh ngày 07/11/2006 và Dương Nguyễn Bảo U, sinh ngày 15/8/2008. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ U, ông M trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung, tài sản chung.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2020, bị đơn là ông Dương Văn M trình bày:
Ông đồng ý thống nhất nội dung trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị L. Cụ thể: Ông và bà L được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2004. Trong quá trình sống chung xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nên có những chuyện không lường xảy ra. Ông đồng ý ly hôn với bà L. Ông và bà L có 02 con chung là Dương Gia B năm 2006 và Dương Nguyễn Bảo U sinh năm 2008, ông nuôi trẻ B, bà L nuôi trẻ U, thống nhất không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tự thỏa thuận về nợ chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy đời sống hôn nhân của hai vợ chồng bà L, ông M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên thống nhất, bà L nuôi con chung là Dương Nguyễn Bảo U sinh ngày 15/8/2008, ông M nuôi con chung là Dương Gia B sinh ngày 07/11/2006, không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Các đương sự đang cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2004 ngày 01/6/2004 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn:

Bà L trình bày mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ năm 2017 và sống ly thân, bỏ mặc nhau từ năm 2018 nên xin ly hôn. Ông M đồng ý thống nhất nội dung trình bày của bà L, đồng ý ly hôn và sau đó vắng mặt không có lý do là bỏ mặc mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn, không có giải pháp đoàn tụ gia đình. Có căn cứ xác định việc vợ chồng bà L, ông M đã sống ly thân bỏ mặc nhau từ năm 2017, không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng: Theo Giấy khai sinh số 196/2006, quyển số 02/2006 ngày 20/11/2006 và Giấy khai sinh số 98 quyển số 01-2008 ngày 28/8/2008 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình và sự thừa nhận của các đương sự, có căn cứ xác định bà L và ông M có 02 con chung là Dương Gia B, sinh ngày 07/11/2006 và Dương Nguyễn Bảo U, sinh ngày 15/8/2008. Hai bên thống nhất bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ U, ông M trực tiếp nuôi dưỡng trẻ B, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của các con chung tại bản tự khai ngày 06/7/2020, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận. Ghi nhận hai bên tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Dương Văn M.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Nguyễn Bảo U, sinh ngày 15/8/2008; giao cho ông Dương Văn M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Gia B, sinh ngày 07/11/2006; tạm ngừng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị L và ông Dương Văn M cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0078249 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Huy